

| | | |
|---|--|---------------------------|
| UBND THỊ XÃ NINH HÒA - PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | QUY TRÌNH Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ | Mã hiệu: QT 27 |
| | | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: 12/12/2016 |

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

| Trách nhiệm | Soạn thảo | Xem xét | Phê duyệt |
|--------------------|---------------------------------|-------------------------|---------------------|
| Họ tên | Huỳnh thị Ngọc Huyền | Lê Quang Thạch | Nguyễn Ta |
| Chữ ký | | | |
| Chức vụ | Chuyên viên | Phó Trưởng phòng | Trưởng phòng |

| | | |
|---|--|---------------------------|
| UBND THỊ XÃ NINH HÒA - PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | QUY TRÌNH | Mã hiệu: QT 29 |
| | Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: 12/12/2016 |

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

| Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung | Trang / Phần liên quan việc sửa đổi | Mô tả nội dung sửa đổi | Lần ban hành / Lần sửa đổi | Ngày ban hành |
|---|--|-------------------------------|---|--------------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

| | | |
|---|--|---------------------------|
| UBND THỊ XÃ NINH HÒA - PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | QUY TRÌNH | Mã hiệu: QT 29 |
| | Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: 12/12/2016 |

1. MỤC ĐÍCH

Tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục theo đề nghị của UBND cấp xã đề nghị công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, đảm bảo thẩm tra rõ các nhu cầu, các điều kiện theo đúng quy định

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với các UBND cấp xã đề nghị công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Cán bộ, công chức thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008
- Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

- UBND: Ủy ban nhân dân
- TTHC: Thủ tục hành chính
- GDĐT: Giáo dục và đào tạo
- PCGD: Phổ cập giáo dục
- XMC: Xóa mù chữ

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

| | |
|------------|---|
| 5.1 | Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành chương trình giáo dục mầm non; - Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp đạt ít nhất 95%; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 90%; - Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; - Đối với cá nhân: Hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học; - Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%; - Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; |

| | | |
|---|--|---------------------------|
| UBND THỊ XÃ NINH HÒA - PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | QUY TRÌNH | Mã hiệu: QT 29 |
| | Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: 12/12/2016 |

| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Bảo đảm tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 1; - Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học; - Đối với cá nhân: Được cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở; - Bảo đảm tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 1 và tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1; - Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở đạt ít nhất 80%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; - Bảo đảm tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập GD THCS mức độ 1; - Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở đạt ít nhất 90%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; - Bảo đảm tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập GD THCS mức độ 2; - Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở đạt ít nhất 95%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 90%; - Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt ít nhất 80%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; - Người đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: Hoàn thành giai đoạn 1 chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ hoặc hoàn thành lớp 3 chương trình giáo dục tiểu học; - Người đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: Hoàn thành giai đoạn 2 chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ hoặc hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học; - Có ít nhất 90% số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có ít nhất 90% số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1; - Có ít nhất 90% số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có ít nhất 90% số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2. |
|--|--|

| | | |
|---|--|---------------------------|
| UBND THỊ XÃ NINH HÒA - PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | QUY TRÌNH | Mã hiệu: QT 29 |
| | Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: 12/12/2016 |

| 5.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
|------------|---|------------------|----------------|
| | Phiếu điều tra phổ cập giáo dục, xóa mù chữ | 01 | |
| | Sổ theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ | 01 | |
| | Danh sách trẻ em hoàn thành chương trình giáo dục mầm non (đối với phổ cập giáo dục mầm non); danh sách học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học (đối với phổ cập GDTH; danh sách học sinh tốt nghiệp THCS, danh sách học sinh có chứng chỉ nghề (đối với phổ cập giáo dục THCS); danh sách học viên được công nhận biết chữ theo các mức độ (đối với xóa mù chữ) | 01 | |
| | Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ kèm theo các biểu thống kê | 01 | |
| | Biên bản tự kiểm tra phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ | 01 | |
| 5.3 | Số lượng hồ sơ | | |
| | 01 bộ | | |
| 5.4 | Thời gian xử lý | | |
| | 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | |
| 5.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả | | |
| | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Phòng Giáo dục và Đào tạo | | |
| 5.6 | Lệ phí | | |

| | | |
|---|--|---------------------------|
| UBND THỊ XÃ NINH HÒA - PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | QUY TRÌNH | Mã hiệu: QT 29 |
| | Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: 12/12/2016 |

| | | | | |
|------------|---|----------------------------------|-----------|--|
| | Không | | | |
| 5.7 | Quy trình xử lý công việc | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| B1 | UBND cấp xã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Phòng GDĐT Nha Trang | Tổ chức/cá nhân | 01 ngày | Theo mục 5.2 |
| B2 | Tiếp nhận hồ sơ và in giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả | | Giấy biên nhận |
| B3 | Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng | | Phiếu giao việc hoặc giao việc trực tiếp |
| B4 | Thẩm định hồ sơ: Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành thẩm định: - Chuyên viên thụ lý xem xét hồ sơ, nếu phát hiện những vấn đề cần bổ sung, xác minh thì trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, chuyên viên thụ lý trực tiếp hướng dẫn 1 lần bằng văn bản cho tổ chức/công dân biết để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp, đạt yêu cầu tiến hành bước tiếp theo | Chuyên viên thụ lý hồ sơ | | Công văn phúc đáp (nếu có) |

| | | | |
|---|--|--|---------------------------|
| UBND THỊ XÃ NINH HÒA - PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | QUY TRÌNH | | Mã hiệu: QT 29 |
| | Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ | | Lần ban hành: 01 |
| | | | Ngày ban hành: 12/12/2016 |

| | | | | |
|-----|---|---|---------|---|
| B5 | Lập tờ trình, kèm theo hồ sơ của cơ sở trình Lãnh đạo phòng xem xét | Chuyên viên thụ lý hồ sơ | | Tờ trình |
| B6 | Lãnh đạo phòng xem xét ký văn bản trình UBND thị xã xem xét | Lãnh đạo phòng | 01 ngày | Tờ trình |
| | Thành lập đoàn kiểm tra cấp thị xã | Lãnh đạo UBND thị xã | 07 ngày | Quyết định thành lập đoàn kiểm tra |
| B7 | Tiến hành thẩm định tại cơ sở: (Thành phần theo Quyết định của UBND thị xã) | Chuyên viên thụ lý hồ sơ | 07 ngày | Biên bản thẩm định |
| B8 | Ký tờ trình gửi UBND thị xã | Lãnh đạo phòng | 01 ngày | Tờ trình |
| B9 | Ký duyệt hồ sơ | Lãnh đạo UBND thị xã | 13 ngày | Quyết định công nhận đạt chuẩn |
| B10 | Tiếp nhận kết quả, vào sổ, đóng dấu và chuyển kết quả về bộ phận một cửa | Bộ phận văn thư Chuyên viên thụ lý hồ sơ | | Sổ theo dõi kết quả thực hiện thủ tục hành chính |
| B11 | Chuyên viên bộ phận một cửa có trách nhiệm trả kết quả cho tổ chức/công dân | Chuyên viên bộ phận một cửa | | Cập nhật phần mềm theo dõi Vào sổ tiếp nhận và trả kết quả |

6. BIỂU MẪU:

| | | |
|---|---|---------------------------|
| UBND THỊ XÃ NINH HÒA - PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | QUY TRÌNH | Mã hiệu: QT 29 |
| | Công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: 12/12/2016 |

Mẫu báo cáo (Phụ lục II - Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08/02/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các thành phần sau

| TT | Hồ sơ lưu |
|----|---|
| 1. | Quyết định thành lập đoàn kiểm tra cấp xã |
| 2. | Biên bản tự kiểm tra cấp xã |
| 3. | Tờ trình đề nghị công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC của cấp xã |
| 4. | Quyết định thành lập đoàn kiểm tra cấp thị xã |
| 5. | Biên bản kiểm tra của đoàn kiểm tra cấp thị xã |
| 6. | Quyết định công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC của UBND thị xã |
| 7. | Sổ theo dõi kết quả thực hiện thủ tục hành chính |

Hồ sơ được lưu tại phòng GDĐT, thời gian lưu 03 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống đơn vị lưu trữ chung của thị xã và lưu trữ (hoặc xử lý) theo quy định hiện hành.